Phẩm 1 (Kinh số 1 - 10)

Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)

. PHÁP L KINH THIÊN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-ve, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: r r . y Nêu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, tát được vui vẻ, an lạc trong bậc Hiên thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết hội chúng và biết sự hơn kém của người. Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục5 Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp. Nêu có Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ? Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết pháp, tức biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết pháp. Như thế nào là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Ấy là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo không biết nghĩa, tức là kh6ng biết nghĩa của những loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, không biết điêu này có nghĩa như thế kia, kh6ng biết điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nêu có Tỳ-kheo khéo biết nghĩa, tức biết nghĩa của những giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết nghĩa. Như thế nào là Tỳ-kheo biết thời? Nghĩa là Tỳ-kheo biết lúc nào nên tu pháp tháp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Áy là Tỳ-kheo biêt thời. Nếu có Tỳ-kheo không biết thời, tức không biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết thời, tức biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết thời. Như thế nào là Tỵ-kheo biết tiết độ? Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc uống, ăn, di, đứng, ngồi, năm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt ngủ

nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu có Ty-kheo không biết tiết độ, tức không biết tiết độ trong việc uống, ăn5 đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và không biêt giảm bớt ngủ nghi, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết tiết độ, tức biết tiết độ về các việc uống, ăn, di, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết tiết độ. Như thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có chừng ấy tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu có Tỳ-kheo không biết mình, tức không tự biết mình có chừng ấy tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu có Tỳ-kheo khéo biêt mình, tức tự biêt mình có chừng ây tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết mình. Như thế nào là Tỳ-kheo biết hội chúng?

Tỳ-kheo biết: uĐây là hội chúng Sát-lợi, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn; và ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vay." Ấy là Tỳ-kheo biết hội chúng. Nếu có Tỳ-kheo không biết hội chúng, tức không biết: "Bây là hội chúng Sát-lợi, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn; và ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy?5 Tỳ-kheo như vậy là không biết hội chúng. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết hội chúng, tức biết: "Bây là hội chúng Sát-lọd, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn; và ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, dứng như vậy, ngoi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy?9 Ấy là Tỳ- kheo khéo biêt hội chúng. Như thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: Có lòng tin và không có lòng tin. Người có lòng tin là cao thượng, nẹười không có lòng tin là thấp kém. Người có lòng tin lại có hai hạng: Thường đen gặp thày Tỳ-kheo và không thường đến gặp thầy Tỳ-kheo. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo là cao thượng, người không thường đến gặp thầy Tỳ- kheo là thấp kém. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có kính lễ thầy Tỳ-kheo và không kính lễ thầy Tỳ-kheo. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo là cao thượng, người không kính lễ thầy Tỳ-kheo là thấp kém. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là cao thượng, người không có hỏi kinh là thấp kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: Nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là cao thượng, người không nhất tâm nghe kinh là thấp kém. Người nhất tâm nghe kinh lại có hai hạng: Nghe rồi chấp trì pháp và nghe rồi không chấp trì pháp. Người nghe rồi có chấp trì pháp là cao thượng, người nghe rồi không châp trì pháp là thấp kém. Người nghe rồi có châp trì pháp lại có hai hạng: Nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là cao thượng, người nghe pháp không quán sát nghĩa là thấp

kém. Người nghe pháp có quán sát nghĩa lại có hai hạng: Biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biêt nghĩa, không hướng pháp, không thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là cao thượng; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng pháp, không thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là tháp kém. Người biết pháp, biêt nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp lại có hai hạng: Tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích, cũng không làm lợi ích cho người khác, không làm lợi ích cho mọi người, không xót thương thế gian, không cầu nghĩa lý? lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người; người ấy là bậc nhất, là hơn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người. Ví như từ bò có sữa,

từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có tinh tô; tinh tô là bậc nhất, là hơn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích, cũnệ làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, câu nghĩa lý? lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết; người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn và kém của người. Đức Phật dạy như thê, các vị Tỳ-kheo kia nghe lời Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH TRU ĐỌ THỌ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu lá cây Trú Độ trên Tam Thập Tam thiên úa vàng thì lúc đó thiên chúng ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: "Lá cây Trú Độ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng." Rồi lá cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã rụng. Lúc đó? chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: “Lá cây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ mọc lại." Rồi lá cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã mọc lại. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: uCây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ kết ra mạng lirói.” Rồi lá cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã kết mạng lưới. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho răng: "Cây Tru Độ chăng bao lâu sẽ nở nụ giông mỏ chim." Rồi cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: "Cây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ nở hoa như cái bt." Rồi cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở? cho rằng: “Cây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ nở hoa tròn trịa?5 Nếu cây Trú Độ đã nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi một trăm do-diên. Lúc bấy giờ, vào tháng Tư mùa hạ, các vi Tam Thập Tam thiên vui đùa với nhau băng năm thứ dục lạc với đây đủ tát cả các đặc tính của chúng. Đó là các vị Tam Thập Tam thiên tập trung dưới cây Trú Độ mà hưởng thụ sự vui sướng. Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó, vi Thánh đệ tử được gọi là lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên trở nên úa vàng. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên rụng xuống. ___ r

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bát thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an tru sơ thiên; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại, cũng như lá cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên sanh trở lại.

6 KINH TRƯNG A-HÀM

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử không còn giác và quán, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trú nhi thiền; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là sanh mạng lưới, cũng như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên sanh mạng lưới. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly hỷ dục, an trú xả, vô câu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trụ không, thành tựu an trú tam thiền; lúc đó,

Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên nở nụ như mỏ chim. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ và hỷ ưu cũng đã diệt, không khô lạc, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an trú tứ thiên; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là nở hoa như cái bát, như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên nở hoa như cái bát. Lại nữa, khi vi Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng: “Sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa” lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vi Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam Thập Tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện Pháp hỏi han, khen ngợi rằng: Thánh đệ tử tôn quý đó9 ở tại thôn ấp đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa9 chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an tru, biêt một cách như thật răng: 'Sanh đã hêt? Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'" Đó là các A-la-hán lậu tận cùng tập hội như Tam Thập Tam thiên cùng tập hội dưới cây Tru Đọ vạy. Đức Phật dạy như vậy, các vị Tỳ-kheo kia nghe những lời Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH THÀNH DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật đến nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như vương thành ở biên giới có bảy việc đầy đủ và bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó; do đó, vương thành không bị ngoại địch đánh phá, ngoại trừ bên trong tự phá hoại. Những gì là bảy việc mà vương thành có đầy đủ? Là vương thành ở biên . r ỉ 7 9

giới xây cát những vọng gác, đáp đát cho chác, không thê phá vỡ, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đây đủ thứ nhát của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới có đào hào, vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang đê có thê nương tựa, làm cho bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của vương thành. Lại nữa, như dọn dẹp những con đường nối liền xung quanh vương thành ở biên giới cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ ba của vương thành. . ỉ Lại nữa, như biên thành của vua tập trung bôn quân chủng: Tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ tư của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới chuẩn bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đây đủ thứ năm của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mun chước, người hiền lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ sáu của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới xây đáp tường cao cho thật kiên cô, trét bùn, tô đát, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ bảy của vương thành. r /y

Bôn thứ lương thực sung túc, dê tim, không khó là gì? Là vương thành ở biên giới có săn, có chuân bị nước, cỏ, củi, gô, đê bên trong được an ôn và chê

ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, dễ tim, không khó ở vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ hai sung túc, dễ tim, không khó ở vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu, tiểu đậu, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm, không khó ở vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới cất chứa bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đều đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ tư sung túc, dễ tim, không khó ở vương thành. Như vậy, vương thành đầy đủ bảy việc, bốn thứ lương thực sung túc, dễ tim, không khó nên không bi ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại. Cũng vậy, nếu Thánh đệ tử cũng được bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm dễ được, không khó thì vi Thánh đệ tử không bi Ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không còn thọ sanh trở lại. Bảy thiện pháp mà Thánh đệ tử có được là gì? Là Thánh đệ tử có lòng tin kiên cố sâu xa đối với Như Lai, tín căn đã vững, trọn không theo Sa-môn? Phạm chí ngoại đạo? cũng như Thiên ma, Phạm thiên và hàng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử được thiện pháp thứ nhất. Lại nữa, Thánh đệ tử thưcmg thực hành xấu hổ, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành hổ thẹn, điều đáng hổ thẹn biết hổ thẹn, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tấn, đoạn trừ ác, bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhát kiên cô, làm các góc thiện, không bỏ phương tiện. Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng, nghe nhiêu, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng các pháp tốt ở khoảng đầu, tốt ở khoảng giữa, tốt ở khoảng cuối, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh; học rộng, nghe nhiêu các pháp như vậy, luyện tập đên cả ngàn lân, ý chăm chú những điêu tư duy, quán sát đến chỗ thấy rõ hiểu sâu. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những điều đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được.

Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng suy của các pháp. Do có trí như vậy, có thánh huệ, có sự thâu hiêu, phân biệt rõ ràng mà vi ây diệt tận hoàn toàn sự kho. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được. Những gì là bốn tăng thượng tâm dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến? Là Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trú sơ thiền. Đó là tăng thượng

tâm thứ nhất dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử đã dứt giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trú nhị thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ hai dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử ly hỷ dục, thành tựu xả, vô câu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trú không, thành tựu an trú tam thiên. Đó là tăng thượng tâm thứ ba dê được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ và hỷ ưu cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tinh, thành tựu an trú tứ thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ tư dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Như vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tăng thượng dễ được, không khó, không bị Ma vương lung lạc, cũng chẳng theo pháp ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không còn thọ sanh trở lại. Như vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc, không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử có lòng tin kiên cố sâu xa đối với Như Lai, tín căn đã lập, trọn không theo Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử có vọng gác tín tâm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới đào hào, vét ao thật sâu rộng, sửa sang đê có thê nương tựa, làm cho bên trong được an on và che ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thực hành xấu hổ, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có hồ ao xấu hổ, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường liền chung quanh cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thường thực hành hô thẹn, điêu đáng hô thẹn biết hổ thẹn, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uể là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có con đường bằng phẳng hổ thẹn, đê trừ ác và bát thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới tập trung bốn quân chủng: Tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được yên ổn và chế ngự oán địch bên

ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tân, đoạn trừ ác? bát thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhát, kiên cô, làm các góc rê thiện, không bỏ phương tiện. Đó là Thánh đệ tử có quân lực tinh tấn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới chuân bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, đê bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự nghe rộng các pháp tốt ở khoảng đầu, tốt ở khoảng giữa, tốt ở khoảng cuối, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh; học rộng, nghe nhiều các pháp như thế, luyện tập đên cả ngàn lân, ý chăm chú những điêu tư duy, quán sát đên chô thây rõ hiểu sâu. Đó là Thánh đệ tử có binh khí đa văn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước, người hiền thì cho vào, kẻ không lương thiện thì cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn

không quên. Đó là Thánh đệ tử có đại tướng trấn thủ, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên c6, trét bùn, tô đát, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ quán pháp hưng suy, do có Thánh tuệ như vậy có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà hoàn toàn diệt tận khổ. Đó là Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ đe trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới có chuẩn bị sẵn nước, cỏ, củi, gỗ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trú sơ thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử đã dứt giác quán, nội tỉnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trú nhị thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu và tiểu đậu, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử ly hỷ dục, thành tựu xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trụ không, thành tựu an trú tam thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới chứa cất bo, dầu, mật, mía, đường, cả, muối, thịt khô, tất cả đều đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên

3. KINH THÀNH DU 11

ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử diệt lạc diệt khổ, hỷ ưu cũng đã diệt, không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an tru tứ thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các thây Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật thuyêt xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH THỦY DỤ A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ giảng cho các thây nghe vê bảy hạng người ở nước, các thây hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Những gì là bảy? Hoặc có người năm dưới nước; hoặc có người ra khỏi nước rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ. Cũng vậy, Ta cũng giảng cho các thây nghe vê bảy hạng người như ví dụ vê nước, các thầy hãy lang nghe, lang nghe, hãy khéo suy nghĩ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -Những gì là bảy? Hoặc có hạng người nằm mãi; hoặc có người ra đã khỏi rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi và đứng lại; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; hoặc có người ra khỏi rồi đứng,

đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi tới bờ bên kia; hoặc lại có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi tới bờ bên kia, tới bờ bên kia rồi, được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ. Đó là Ta nói vắn tắt bảy hạng người theo ví dụ về bảy hạng người ở nước. Như đã nói trên, như đã giảng giải trên, các thầy có biết ý nghĩa gì, có phân biệt gì, có nhân duyên gì? Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn rằng: r __ _? __ _ —The Ton la góc cua pháp, The Ton là chu
te cua pháp, pháp do Thê Tôn mà có, kính mong Thế Tôn nói ra để chúng con sau khi nghe rồi, sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa!

14 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật dạy: - Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghi, Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -Thế nào là hạng người nằm mãi? Nghĩa là có người bị những pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm 6, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi như người nằm mãi dưới nước; Ta nói hạng người kia cũng y như vậy. Đó là ví dụ thứ nhất về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi rồi chìm lại? Là người đã phát sanh lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại quên mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ không kiên cố. Đó là hạng người ra rồi chìm lại. Như người chìm nước, đã ra được rồi lại chìm; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ hai về hạng người ở nước. The gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra rồi đứng? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn kiên c6, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ra khỏi nước rồi đứng. Như người chìm nước, ra khỏi nước rồi đứng; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ ba về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn kiên cố, không mất, trú trong thiện pháp, biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết sử liền dứt sạch: Đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết sử đã dứt sạch chứng đến Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng roi chứng đăc biên tê của sự khô. Đó là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Như người chìm nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ tư về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố, không mất, trú trong thiện pháp, biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, biết như thật về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết sử liền đã dứt sạch: Đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Ba kiết sử đã dứt sạch, dâm, nộ, si vơi mỏng, còn phải một

4. KINH THỦY DỤ 15

lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng, sau khi qua lại một lần đó rồi liền chứng đác biên tê của sự khô. Đó là người ra roi đứng, đứng roi nhìn quanh, nhìn roi đi qua. Như người chìm nước ra roi đứng, đứng roi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng như lại như thế. Đó là ví dụ thứ năm về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mát, trì giới, bô thí, đa văn, trí tuệ đêu vân kiên cô, không mát, trụ trong thiện pháp, biết như thật về khổ, về khổ tập, về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, năm hạ phần kiết sử dứt sạch: Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi. Năm hạ phần kiết sử dứt sạch rồi, sanh vào cõi ây, roi nhập Niêt-bàn, chứng pháp bát thôi, không trở lại thê gian này nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đên bờ bên kia. Như người chìm nước ra roi đứng, đứng roi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ sáu về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đên bờ bên kia, đên bờ bên kia roi được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; vê sau, tín tâm của người đó vân chăc chăn, không mât5 trì giới, bô thí, đa văn, trí tuệ đêu vân kiên cô5 không mát, trụ trong thiện pháp, biêt như thật về khổ, về khổ tập, về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ kia rồi gọi là vi Phạm chí đứng trên bờ. Như người chìm nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đen bờ bên kia, đến bờ kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ bảy về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Ta trước có nói sẽ giảng cho các thầy về bảy hạng người chìm trong nước, thế là Ta đã nói. Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH MỌC TÍCH dụ _ \ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở Câu-tát-la9 du hành giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đống cây lớn ở một nơi kia bỗng nhiên bừng cháy. Thế Tôn thấy rồi liền rẽ xuống bên đường, đi đến một cây khác trải ni-sư-đàn, kiết-già mà ngồi yên. Đức Thế Tôn ngồi rồi, bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy đằng kia có đống cây lớn bỗng nhiên bừng cháy không? Khi đó, các thầy Tỳ-kheo trả lời: -Có thấy, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: -Các thầy nghĩ sao, với đong cây lớn phựt cháy bừng bừng đó, hoặc tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; và với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư SĨ hay thợ thuyên đang độ tuôi cường thạnh, tăm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào sung sướng hơn? LÚC ây9 các thây Tỳ-kheo thưa răng: Bạch

Thế Tôn, với đống cây lớn đang phựt cháy bừng bừng, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Với người con gái dòng Sát-lợi? Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể mà tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo: -Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để cho các thầy học làm Sa-môn mà lại mát đạo Sa-môn. Các thây nêu muôn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đông cây lớn đang phựt cháy bừng bừng, hoặc ngôi, hoặc năm; việc ây mặc dù vì thế mà phải chịu khổ, hoặc chết, nhưng không do đó mà khi thân 9 r r hoại mạng chung phải thăng đên ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, không phải là Phạm hạnh mà gọi là Phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn9 hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thạnh, đã tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng

hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến nơi ác, sanh vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và suy nghĩ như thế này: "Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, quả báo lớn, quang minh lớn." Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:
Các thầy nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông cột siết cho đến bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương cho tới tủy mới thôi; hoặc theo người dòng Sát-lqi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ sự cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết và tay chân thì việc nào sung sướng hơn? Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng: -Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông cột siết cho đến bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương cho tới tủy mới thôi thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo người dòng Sát-lọd, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để được cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết và tay chân thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn! The Ton bảo: Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông cột siết cho đến bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương cho tới tủy mới thôi; việc ấy mặc dù do vậy mà các thầy thọ khổ, hoặc chết, nhimg không do đó mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, không phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn xưng là Sa- môn5 rồi theo người dòng Sát-lợi5 Phạm chí, cư si, thợ thuyền để thọ sự cúng thí, rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân; người ngu si ấy do đó vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế9 các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: "Ta xuất gia học

đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ẩm thực, giường, nệm, thuốc thang của người tín thí, khiên cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn." Các thày nên học như vậy!

5. KINH MỘC TÍCH DỤ 19

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ sự lễ bái của tín thí, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn? r 5

Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa răng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi thì rất khổ, bạch Thế Tôn; còn theo người dòng Sát-lqi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận sự lễ bái của tín thí, cung kính, đón rước thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các thây biêt, không đê các thây học làm Sa-môn mà mát đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giũa chặt đứt ngang đùi; việc ấy dù do đó mà chiu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì đó mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng Phạm hạnh, chẳng phải Sa- môn xưng là Sa-môn, rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền mà thọ sự lễ bái, cung kính, tiếp đón của tín thí; người ngu si kia vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các thầy nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của người cúng thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thây nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem lá đông hay săt đót cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể; hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận y phục của người tín thí; cái nào sung sướng hơn? Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa răng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh y phục của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để các thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các thây nêu muôn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà đê cho lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể; dù việc đó vì thế sẽ chiu sự khổ, hoặc chết, nhimg không do vậy mà khi thân hoại mạng

20 KINH TRƯNG A-HÀM

chung phải thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh ximg là Phạm hạnh, đê roi

theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyên mà thọ lãnh y phục của tín thí; người ngu kia vì the vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống công, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn." Các thày nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thây nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kem săt nóng kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt cháy đó đốt cháy moi, đót môi roi đót lưỡi, đót lưỡi roi đót lợi, đót lợi roi đót cô, đót cô roi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới; hoặc theo dòng người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thọ đồ ăn, vô lượng mùi vi của tín thí; việc nào sung sướng hơn? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đã đốt cháy hừng hực bỏ vào miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới thì rất khổ; còn nếu theo theo dòng người Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để lãnh thọ đồ ăn, vô lượng mùi vị của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để các thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các thây nêu muôn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà đê lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và đốt ruột, đốt bao tử và đốt ruột rồi đốt xuống dưới; điều ấy nhân đó mà phải chiu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đên ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới không tinh tân, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự cúng thí thực phẩm, vô lượng mùi vị; người ngu si đó vì the mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thăng đên ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thê các thây nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế

5. KINH MỘC TÍCH DỤ 21

này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, CÓ sự an lạc cùng cực, sanh đên các thiện xứ đê được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm5 thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực roi cưỡng bức người kia phải năm ngôi trên đó; hoặc là theo các người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh giường chõng và ngọa cụ của tín thí; việc nào sung sướng hơn? Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thê Tôn, nêu có lực sĩ đem giường sát hay đông đót cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó

thì rát khổ, bạch Thế Tôn; còn nếu theo các người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh giường chõng và ngọa cụ của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: -Ta sẽ nói cho các thây biết, không đê cho các thây học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngoi trên đó; việc đó dù vì the mà chịu sự kho sở, hoặc chết, nhưng không vì thế mà sau khi thân hoại mạng chung thẳng đen ác xứ hay sanh vào địa n^ục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo những người Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để thọ lãnh ngọa cụ, giường chõng của tín thí; người ngu si đó vì the vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đen ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả bảo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thây nghĩ sao, nêu có lực sĩ đem nôi đông hay sát đót cháy hừng hực rồi tóm một người xóc ngược lên và quăng vào trong nồi; hoặc là theo người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí; việc nào sung sướng hơn? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng: -Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi bắt một người xóc ngược lên và ném vào nồi thì quá khổ sở, bạch Thê

22 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn; còn nếu theo những người Sát-lọd, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo5 chắc chắn, lò sưởi của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các thây biết, không đê các thây học làm Sa-môn mà mát đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi bắt một người xóc ngược lên quăng vào trong nồi; mặc dù vì the mà chiu đau kho, hoặc chết, nhưng không do vậy mà sau khi thân hoại mạng chung lại thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nấu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chăng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn xưng là Sa-môn, theo người Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí; người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thế các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như the! Khi đức Phật dạy bài pháp này xong, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các

lậu? giải thoát kiết sử; sáu mươi Tỳ-kheo xả giới, hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn của đức Thế Tôn rất sâu, rất khó; sự học đạo lại còn sâu, còn khó hơn. Đức Phật dạy như thế, các vi Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói cho các thầy biết về nơi mà bảy bậc Thiện Nhân đi đến và Vô dư r 5 r Niêt-bàn. Các thây hãy lăng nghe, lăng nghe, hãy suy nghĩ kỹ! Bây giờ, các thây Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Phật dạy: Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thây được dâu vét đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng vân chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ nhất. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.Thực hành như thê sẽ do tuệ mà thây dâu vét đạo vô thượng, tịch tinh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút mạn chưa trừ hết nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc Thiện Nhân thứ hai. Thê gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả? có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.^, Thực hành như thê sẽ do tuệ mà thây dâu vét đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên và rơi trở xuống chưa tới đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn hết

24 KINH TRƯNG A-HÀM

nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ ba. Thế gian quả thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đác xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không châp tnróc." Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực roi lây búa đập, lửa đôm tung lên rơi xuông tới đát thì tát. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ tư. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vây: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ,

đã đoạn trừ thì chứng đác xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhimg chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực roi lây búa đập, lửa đôm tung lên rớt xuông trên nhúm cỏ liên bốc khói hoặc phựt cháy, vừa cháy liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thể, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Hữu hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc Thiện Nhân thứ năm. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vây: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đác xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp tru&c." Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa tung lên rớt xuống trên đống củi hay cỏ liền bốc khói hoặc phựt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phân kiêt sử đã đoạn hét, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ sáu. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vây: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tinh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa tung lên rơi xuống đống củi hay cỏ liền bốc khói hoặc phựt cháy, cháy lan cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, rồi hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhimg năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết,

6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG 25

chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ bảy. Thế gian thật có người như vậy. Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vay: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh và đã được chứng ngộ. Ta nói răng Tỳ-kheo kia không cân đên phương Đông, không cân đên phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn góc và trên dưới mà ngay trong hiện tại chứng được đạo tịch tịnh, diệt độ. Ta nói về nơi đi đến của bảy bậc Thiện Nhân và Vô dư Niết-bàn là nhân đó mà nói. r

Đức Phật dạy như thê, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Câu-xá-di, ở tại vườn Cù-xá-la. Bấy giờ vào lúc xế trưa, Tôn giả Ma-ha Châu-na tư chỗ nghỉ đứng dậy, đến trước Phật, đến rồi đảnh lễ? lui ngồi một bên và thưa rằng: Bạch Thế Tôn, Ngài có thể giảng giải cho con về phước thế gian chăng? Đức Thế Tôn bảo rằng: —Có thê được, Châu-na! Có bảy loại phước thê gian, có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Này Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà

dòng dõi cúng thí phòng xá, nhà gác cho chúng Tỳ-kheo. Châu-na, đó là loại phước thế gian thứ nhất có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí giường, tòa, thảm lông, chiêu lông, nệm da, ngọa cụ trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại phước thế gian thứ hai có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí y phục cho chúng Tăng. Châu-na5 đó là loại phước thế gian thứ ba có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na9 có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí cháo sáng; cơm trưa cho chúng Tăng ở trong phòng xá; lại cung cấp người làm vườn đê sai khiên; hoặc khi gió mưa, tuyêt lạnh, đích thân đên vườn cúng dường thêm. Các Tỳ-kheo ăn xong, không lo gió mưa, tuyêt lạnh thâm ướt y phục đê ngày đêm yên ổn tu tập thiền định. Châu-na, đó là bảy loại phước thế gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước ây vân thường sanh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng. Châu-na, ví như nước sông Hằng-già từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đó đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc di, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc

ngày, hoặc đêm, phước ấy thường sanh trưởng, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng. Bây N giả Ma-ha 7 . giờ, Tôn r Châu-na r từ chô \ngôi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu, gói phải sát dát, quỳ xuông chăp tay, bạch răng: Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ dạy cho con về phước đức xuất thế gian được chăng? Đức Thế Tôn bảo rằng: Có thể được, Châu-na! Lại có bảy loại phước xuất thế gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai, hoặc đệ tử của đức Như Lai du hóa ở xứ nào đó, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai hay đệ tử đức Như Lai muốn từ nơi kia đến dây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rát phân khởi. Châu-na, đó là loại phước xuât thê gian thứ hai có phước lớn, có danh dự lớn, có quả báo lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai hay đệ tử của đức Như Lai đã từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, lòng rất phấn khởi, với tâm thanh tịnh đích thân tới thăm viếng; lễ kính; cúng dường; cúng dường xong thọ pháp ba tự quy đối với Phật, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo; . r • . r - £ :

và thọ giới câm. Châu-na, đó là bảy loại phước xuât thê gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy loại 7 • . r L • phước thê gian và lại có bảy loại phước xuât thê gian này thì phước của người kia không thể tính được là có bao nhiêu phước, có bao nhiêu kết quả của phước, có bao nhiêu phước báu, chỉ có thể nói là không thể hạn lượng và

không thể biết được số lượng phước đức. y \ Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù-đề, có năm con sông: Một là Hăng-già, hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-lao-phù5 bôn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí chảy vào biên lớn, ở khoảng giữa của chúng, không thê tính được sô nước là bao nhiêu thăng, hộc, chỉ có thể tính là số nước nhiều không thể hạn lượng, không thể tính được. Cũng vậy, Châu-na, nêu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy phước thế gian, và lại có bảy loại phước xuất thế gian thì phước của người đó không thể tính được là có bao nhiêu phước, bao nhiêu phước quả, bao nhiêu phước báu mà chỉ có thể tính là phước ấy nhiều không thể hạn lượng, không thể tính được.

7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC 29

LÚC đó, đức Thế Tôn nói bài tụng rằng: Con sông Hăng-già, Trong sạch dễ qua, Biển nhiều của quý, Là vua các sông. Cũng như nước sông, Người đời kính phụng, Các sông chảy về, Đều vào biển lớn. Cũng vậy, người nào, Cúng áo, thực phẩm, Giường chõng, nệm, chăn, Và những tọa cụ, Phước báu không lường, Đưa đến cõi lành, Cũng như nước sông, Tuôn ve biên lơn. Đức Phật dạy như thế, Tôn giả Ma-ha Châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH THẤT NHẬT Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Bệ-xá-ly, trong vườn cây Nại-thị. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: -Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế? Ví như lúc không mưa, ngay khi không mưa ấy, tất cả cây cối, trăm thứ lúa má cây thuốc đều phải khô héo, gãy nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế, tất cả các hành đêu vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đôi thay, là pháp không the nương tựa; các hành như vậy không nên tham đam mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện thì các rãnh, ngòi, sông, lạch đều phải khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đêu vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đôi, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ, phải tìm sự xả ly, phải tìm sự giải thoát. Lại nữa, có lúc ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện thì tất cả các dòng sông lớn đêu khô cạn, không thê thường trụ. Do đó, tát cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không the nương tựa; các hành như vậy không nên tham đam mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát. Lại nữa, có lúc bốn mặt trời xuất hiện. Khi bốn mặt trời cùng xuất hiện thì các dòng suối lớn chảy ra năm con sông lớn trên châu Diêm-phù-đề: Một là Hăng-già5 hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-lao-phù, bôn là A-di-la-bà-đê và năm là Ma-xí, các dòng suôi nguồn lớn ây đêu khô cạn cả, không thê thường trụ. Do đó, các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc năm mặt trời xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện thì nước trong biên lớn sụt xuống một trăm do-diên, sụt dân đên bảy trăm

do- diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện như vậy thì biển có mức nước bảy trăm do-diên sụt dần cho đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước trong biên lớn sụt một cây da-la, sụt dân đên bảy cây đa-la. Khi năm mặt trời

cùng xuất hiện thì những biển có mức nước bảy cây đa-la sụt dần cho đến một cây đa-la. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước biển giảm sụt một người, sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời xuất hiện thì những biển có mức nước bảy người, giảm dần cho đến một người. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước biển giảm cho đên cô, đên vai, đên lưng, đên háng, đên đâu gói, đên măt cá cho đên lúc nước biển ráo hết, không đủ chìm một ngón chân. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đoi, là pháp chẳng the nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuât hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuât hiện thì tát cả đại địa và núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, cả thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Như vậy, khi sáu mặt trời xuất hiện thì tất cả đại địa thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đôi thay, là pháp không thê nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di bỗng phựt cháy bừng bừng, tạo thành ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di bỗng phựt cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa, gió thổi ngọn lửa ấy vươn cao đến trời Phạm thiên. Lúc đó, các vị trời Hoảng Dục mới sanh lên cõi này, những vi trời mới sanh lên cõi này không rõ sự thành bại của thế gian, không thấy sự thành bại của thế gian, không biết sự thành bại của thế gian, khi thây ngọn lửa vĩ đại đên liên sợ hãi, dựng lông, suy nghĩ như thê này: “Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chng?" Các vị trời sanh r L " r r trước đã rõ sự thành bại của thê gian, đã thây việc thành bại của thê gian, biêt sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: "Chớ nên sợ hãi, lửa cháy chỉ chừng đó, không thể lên đến đây duve.” Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì núi chúa Tu-di sụp lở, tán hoại, diệt tận một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đên bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì núi chúa Tu-di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết, không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì núi chúa Tu-di và cõi đại địa này không còn tro than. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đổi, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Nay Ta nói cho các thây biêt, ai có thê tin được răng núi chúa Tu-di sẽ sụp đổ? Chỉ có những người thấy được sự thật. Nay Ta nói cho các thầy biết, ai có thể tin được rằng nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả? Chỉ có những người đã

thấy sự thật. Nay Ta nói cho các thầy biết, ai có thể tin rằng tất cả đại địa đều cháy sạch? Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, xưa có vị đại sư tên là Thiện Nhãn, là bậc tôn sư của các tiên nhơn ngoại đạo, xả ly dục và ái? chứng như ý túc. Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử. Khi Đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thê cho các đệ tử thì trong sô đệ tử đó có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy, người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi Tứ Thiên Vương, hoặc Tam Thập Tam thiên, hoặc trời Diệm-ma, hoặc sanh lên trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên trời Tha Hóa Lạc. Nếu khi Đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thế, mà trong số đệ tử đó có ai phụng hành đây đủ pháp ây thì người ây phải tu bôn Phạm thát, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó, Đại sư Thiện Nhãn nghĩ thế này: "Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng Dịic." Đại sư Thiện Nhãn liền sau đó tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng Dục. Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử học đạo không uổng công, đạt được quả báo lớn. Này các Tỳ-kheo, các thầy nghĩ sao? Xưa kia Đại sư Thiện Nhãn được hàng tiên nhơn ngoại đạo cung kính như là bậc thầy, xả ly ái dục, chứng như ý túc, các thầy cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó Ta là Đại sư Thiện Nhãn, được tiên nhơn ngoại đạo tôn kính như bậc thầy, xả ly ái dục, chứng như ý túc; lúc đó, Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử, Ta dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử. Khi Ta dạy pháp Phạm thế, nếu trong số đệ tử có người không phụng hành đây đủ pháp ây thì người ây sau khi mạng chung, hoặc sanh lên trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh lên Tam Thập Tam thiên, hoặc sanh lên trời Diệm-ma, hoặc sanh lên trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên trời Tha Hóa Lạc. Khi Ta dạy pháp Phạm thế, nếu trong hàng đệ tử có người phụng hành đây đủ pháp ây, tu bôn Phạm thát, xả ly các dục thì người đó đến khi mạng chung được sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó5 Ta nghĩ thế này: “Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi vào đời sau. Nay Ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng Dục.^, Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng Dục. Thời ấy, Ta và các đệ tử học đạo không hư uông, được quả báo lớn. Thời ây, Ta thân hành đạo này vì lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, vì trời và người mà tìm càu nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì không rốt ráo Phạm hạnh nên bấy giờ Ta không xa lìa được sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu, cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

34 KINH TRUNG A-HÀM

Này các thầy Tỳ-kheo, nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là bậc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, gọi là Phật, là đấng Chúng Hựu. Nay Ta đã làm lợi ích cho chính minh, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thê gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn, khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt

đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh. Do rốt ráo Phạm hạnh, Ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH THAT XA Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong tinh xá Trúc Lâm, cùng an cư mùa mưa với đại chúng Ty-kheo. Tôn giả Mãn Từ Tử cũng an cư mùa mưa tại sanh quán mình. Lúc bấy giờ, các Ty-kheo địa phương, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa sang lại các y đã xong, xếp y cầm bát, từ sanh quán đi về phía thành Vương Xá, lần lượt đi về phía trước đến thành Vương Xá, ở trong tinh xá Trúc Lâm, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo địa phương tới trước đức Thế Tôn, cúi đầu lễ bái, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng: Các Tỳ-kheo, các thầy từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu? Các Tỳ-kheo địa phương ấy thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con từ sanh quán đến đây và an cư mùa mưa tại sanh quán. Đức Thế Tôn hỏi: Trong các thầy Tỳ-kheo địa phương đây, có Tỳ-kheo nào được các Tỳ- kheo khen ngợi là tự mình thiêu dục tri túc và khen ngợi thiêu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ chăng? Các Tỳ-kheo địa phương thưa: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sanh quán của mình được các Tỳ-kheo cùng khen ngợi là tự mình thiểu dục tri túc và khen ngợi thiểu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tan và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử ngồi giữa đại chúng; Tôn giả Xá-lê-tử suy nghĩ như vầy: uĐức Thế Tôn đúng theo pháp mà hỏi các Tỳ-kheo địa phương.

36 KINH TRUNG A-HÀM

Các Tỳ-kheo địa phương vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Từ Tử là tự mình thiểu dục tri túc và khen ngợi thiểu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhát tâm và khen ngợi nhát tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.^, Tôn giả Xá-lê-tử lại suy nghĩ như vầy: "Biết lúc nào ta mới được gặp gỡ Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý. Hiền giả ấy thật có thể nghe và trả lời những điều ta h6i." Bấy giờ, đức Thế Tôn, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá, đã sửa sang lại các y. Ngài xếp y ôm bát từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ rồi ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Tôn giả Xá-lê-tử và các Tỳ-kheo địa phương cùng ở lại Vương Xá vài ngày, rồi xếp y ôm bát đi đến nước Xá-vệ9 lần lượt

tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ cùng ở tại rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử ở tại sanh quán mình, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa, đã sửa sang lại các y, xép y ôm bát, từ sanh quán mình đi đến nước Xá-vệ9 lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ cùng ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Ton giả Mãn Từ Tư đen cho đức The Ton, cui đâu lê bai roi trải ni-sư-đàn mà ngôi kiêt-già trước đức Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử hỏi các Tỳ-kheo khác rằng: Này chư Hiền, vi nào là Hiền giả Mãn Từ Tử? Các Tỳ-kheo thưa: Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, vị ngồi trước đức Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ là vi ấy. Tôn giả Xá-lê-tử đã biết dáng mặt Mãn Từ Tử, liền ghi nhớ kỹ. Ton giả Mãn Từ Tử, sau đêm đó đến sáng mai, khoác y cầm bát đi vào Xá-vệ để khất thực. Sau khi ăn xong, Tôn giả lại cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đến rừng An-đà, là nơi kinh hành. Tôn giả Xá-lê-tử cũng qua đêm đó, đến sáng mai, khoác y cầm bát đi vào Xá-vệ để khất thực. Sau khi ăn trưa xong, Tôn giả lại cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi đến rừng An-đà, là nơi kinh hành. Bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử đến rừng An-đà, trải ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lê-tử cũng đến rừng An-đà? cách Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lê-tử vào lúc xế chiều, từ chỗ ngồi nghỉ đứng dậy, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

9. KINH THẤT XA 37

Này Hiền giả, ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Đúng như vậy! -Này Hiền giả, vì lý do gì? Có phải vì để giới được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Thưa không phải vậy! -Vì để tâm được thanh tinh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Tôn giả Mãn Từ Tử đáp: Không phải vậy! Tôn giả Xá-lê-tử lại hỏi: -Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: "C6 phải ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh cháng?" Thì ngài đáp rằng: "Đúng vay!" Rồi tôi hỏi ngài rằng: "C6 phải vì để giới được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chang?^ Ngài lại đáp rằng: "Không phải vậy r Tôi lại hỏi: "C6 phải vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tinh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chĩig?" Ngài cũng lại đáp rằng: "Không phải vậy!99 Nhưng theo ý nghĩa nào mà ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh? Ton gia Mãn Tư Tư đáp: -Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy. Ton giả Xá-le-tử hỏi: Này Hiền giả? có phải vì để giới được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? Không phải vậy! Có phải vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tinh, để nghi cái được thanh tịnh. để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? Không phải vậy! Tôn giả Xá-lê-tử lại hỏi: -Tôi vừa hỏi Hiền giả: “Này Hiền giả, có phải vì để giới được thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?95 Hiền giả đáp rằng: "Không phải!" Tôi hỏi: "C6 phải vì để tâm được thanh tịnh, để tri kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri

tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chng?" Hiền giả cũng đáp: "lỌiông phai!" Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được? Ton giả Mãn Tư Tử đáp: Này Hiền giả, nếu vì để giới được thanh tịnh mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì tức là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Nếu vì để tâm được thanh tinh, để tri kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì tức là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Này Hiền giả, nếu lìa pháp đó mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì người phàm phu cũng sẽ được Bát-niết-bàn, bởi vì phàm phu cũng xa lìa pháp đó. Này Hiền giả, nhưng vì giới thanh tịnh nên tâm được thanh tịnh, vì tâm thanh tinh nên tri kiến được thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái được thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến được thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí được thanh tịnh, vì đạo th đoạn trí thanh tịnh nên đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn. Hiền giả, xin hãy nghe thêm! Xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc ở nước Xá-ve, có đại sự ở xứ Bà-kê-đế. Nhà vua suy nghĩ như vầy: "Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xa-vệ đến Bà-kê-đế duọrc?" Lại nghĩ thế này: 4íNay ta nên từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế9 ở giữa quãng đường đó, sắp đặt bảy cỗ xe." Bấy giờ, từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, ở quãng giữa đó vua bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy CÔ xe xong, từ Xá-vệ nhà vua đi đên cô xe thứ nhát; ngôi trên cô xe thứ nhát đi đến cỗ xe thứ hai, bỏ cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba, bỏ cỗ xe thứ hai; ngôi cô xe thứ ba đên cô xe thứ tư, bỏ cô xe thứ ba; ngôi cô xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm, bỏ cỗ xe thứ tư; ngồi cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu, bỏ cỗ xe thứ năm; ngồi cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy, bỏ cỗ xe thứ sáu; ngồi CÔ xe thứ bảy, trong một ngày mà đên Bà-kê-đê. Vua ở tại Bà-kê-đê? sau khi lo làm xong đại sự, ngồi trong chánh điện của nhà vua, với các đại thần vây quanh. Quần than tâu rang: "Tâu Thiên vương, có phải chỉ trong một ngày mà Thiên vương đi từ Xá-vệ đến Bà-kSdế?" • Vua nói: "Đúng vậy!" "Tâu Thiên vương, có phải ngài chỉ ngồi trên một cỗ xe mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Bà-kSdế?"

Vua nói: "Không phải vay!" "C6 phải ngài ngồi trên cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba, cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế chng?" Vua nói: "Không phải vāy!" Này Hiên giả, nêu quân thân lại hỏi nữa, Ba-tư-nặc, quôc vương xứ Câu- tát-la sẽ đáp thế nào? Có phải vua trả lời cho quần thần rằng: "Ta ở Xá-vệ, vì có đại sự ở Bà-kê-đế? ta nghĩ thế này: 'Dùng phương tiện gì để trong một ngày có thể đi từ Xá-yệ đến Bà-kê-đế được?9 Ta lại nghĩ thế này: 'Nay ta nên từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, ở quãng giữa đoạn đường đó, bố trí bảy cỗ xe.' Rồi thì ta từ Xá- vệ đên Bà-kê-đê? giữa đoạn đường ây5 ta bô trí bảy cô xe. Bô trí xong, từ nước Xá-vệ ra đi đến cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ nhất đến cỗ xe thứ hai, bỏ cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba, bỏ cỗ xe thứ hai; ngồi cỗ xe thứ

ba đến cỗ xe thứ tư, bỏ cỗ xe thứ ba; ngồi cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm, bỏ cỗ xe thứ tư; ngồi cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu, bỏ cỗ xe thứ năm; ngồi cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy, bỏ cỗ xe thứ sáu; ngồi cỗ xe thứ bảy ấy trong vòng một ngày đến Ba-ke-de." -Thưa Hiên giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la trả lời câu hỏi của quân thân như vậy. Cũng vậy, thưa Hiên giả, vì giới thanh tinh nên tâm được thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên tri kiến được thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái được thanh tịnh, vì nghi cái thanh tinh nên đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến được thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tinh nên đạo tích đoạn trí được thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn. Bay giờ, Ton giả Xá-lê-tư hởi Ton giả Man Từ Tư: -Tôn hiệu của Hiền giả là gì? Các người Phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào? Ton gia Mãn Tư Tử tra lơi răng: Thân phụ tôi tên Mãn, thân mẫu tôi tên Từ; do đó5 các Phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Tử. * Tôn giả Xá-lê-tử tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Hiền giả Mãn Từ Tử là đệ tử của đức Như Lai, những gì phải làm, những điều trị biện, thảy đều thông minh, quyết định, an lạc, vô úy, thành tựu chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phướn cam lồ, trong cõi cam lô tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an tru; những điêu này khi đem hỏi Hiền giả thảy đều được trả lời bằng những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Cho nên,

Hiền giả Mãn Từ Tử, những người Phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích nếu gặp được Hiền giả Mãn Từ Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người Phạm hạnh nên quấn y lên đầu mà đội Hiền giả Mãn Từ Tử để được nhiêu lợi ích. Nay tôi cũng được nhiêu lợi ích, tùy thời mà thăm viêng, tùy thời mà lễ bái. Ton giả Mãn Từ Tử hỏi Ton giả Xa-lê-tử: Hiền giả tôn hiệu là gì? Các Phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào? Tôn giả Xá-lê-tử trả lời rằng: -Tôi tự là Ưu-ba-đề-xá, thân mẫu tôi tên Xá-lê nên những người Phạm hạnh gọi tôi là Xá-lê-tử. Tôn giả Mãn Từ Tử tán thán rằng: - Hôm nay tôi được bàn luận với đệ tử đức Thế Tôn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết nhau, cùng với vị Pháp tướng luận bàn mà không biết, cùng với bậc đệ tử chuyển lại pháp luân đã chuyển luận bàn mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Tôn giả Xá-lê-tử thì tôi đã không thể trả lời nổi một câu, huống gì lại bàn luận sâu xa như thế. Lành thay, lành thay! Tôn giả Xá-lê-tử, ngài là đệ tử đức Như Lai, những điều cần phải làm, những điều trị biện, thảy đêu thông minh, quyêt đinh, an ôn, vô úy, thành tựu chê ngự, đạt đến đại biện tài, được phướn cam lồ, trong cối cam lồ tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trú. Tôn giả đã hỏi những điều này rất sâu xa, rất sâu xa! Tôn giả Xá-lê-tử9 các Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn nếu gặp Tôn giả Xá-lê-tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Các người Phạm hạnh phải quấn y trên đầu mà đội Tôn giả Xá-le-tử để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lọi 11, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Hai vị Hiền giả khen ngợi nhau như vậy, cùng khen ngợi nhau như vậy rồi hoan hỷ phụng hành và từ chô ngôi đứng dậy, trở vê chô nghỉ của mình.

10. KINH LẠU TẠN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa ở Câu-lâu-sấu5 tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do tri, do kiến mà các lậu tận diệt chứ không phải do không tri, không kiến. Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu tận diệt? Do có chánh tư duy và không chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liên tăng trưởng. Nêu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh thì không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Nhưng người phàm phu ngu si, không nghe Chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết pháp như thật. Nêu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh thì không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật, do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên niệm lại niệm và pháp nên niệm lại không niệm nên dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng. Thánh đệ tử đa văn được nghe Chánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, biết Thánh pháp, điều ngự Thánh pháp, biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt. Khi đã biết như thật về các pháp, pháp không nên niệm sẽ không niệm, pháp nên niệm liên niệm. Vì pháp không nên niệm thì không niệm và pháp nên niệm liền niệm nên dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh thì không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt. Có bảy pháp đoạn trừ lậu, phiền não, buồn rầu. Những gì là bảy? Hữu lậu được đoạn bởi kiến, hữu lậu được đoạn bởi hộ, hữu lậu được đoạn bởi ly, hữu

lậu được đoạn bởi dụng, hữu lậu được đoạn bởi nhẫn, hữu lậu được đoạn bởi trừ, hữu lậu được đoạn bởi tư duy. Thế nào là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến? Kẻ phàm phu ngu si không nghe Chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết như thật về pháp. Vì không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này: "Ta có đời quá khứ hay ta không có đời quá khứ? Do nhân gì ta có đời quá khứ và ta có đời quá khứ như thế nào? Ta có đời vị lai hay ta không có đời vị lai? Do nhân gì ta có đời vị lai và ta có đời vi lai như thế nào? Tự nghi thân ta là gì? Nó là thế nào? Nay chúng sanh này từ đâu mà đến và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gi mà có và sẽ do nhân gì mà c6?” Người kia khởi tư duy không chánh như vậy roi, trong sáu tà kiến, tùy theo đó, một tà kiến khởi lên cho rằng: "Quả thật có ngâu Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Quả thật không c6 ngâL” Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Ngã thấy là nga.99 Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Ngã thấy là phi ngây

Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Không phải ngã thấy là ngâL" Một tà kiến khởi lên cho rằng: "Chính ngã ấy có thể nói, có thể biết, có the hành động, có thể sai hành động, có thể đứng dậy, có thể sai đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo, quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ c6." Đó là tệ tập của tà kiến. Bị tà kiến lay động, bị kiết sử tà kiến buộc chặt, kẻ phàm ngu si vì thế mà phải bi sanh, già, bệnh, chết. Đa văn Thánh đệ tử được nghe Chánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, biết Thánh pháp, điều ngự Thánh pháp, biết như thật về pháp, biết như chơn về khổ, biết khổ tập, biết khổ diệt và biêt như chơn về kho diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kiết sử tận trừ. Khi ba kiết sử, thân kiến, giới thủ, nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thẳng tiến đến chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong nhân gian hay thiên thượng. Sau bảy lần qua lại, liền chứng đắc khổ tế. Nếu không có tri kiến thì phát sanh phiền não, buồn rầu; có tri kiến thì không phát sanh phiền não, buồn rầu. Đó là hữu lậu được đoạn bởi kiến. Hữu lậu được đoạn trừ bởi hộ là gì? Này Ty-kheo, khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ do khôn̤ chánh tư duy mà quán tinh; nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buôn; nêu có phòng hộ thì không sanh phiên não, ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân hay ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bát tịnh; nêu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán tịnh; nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn; nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi hộ. Hữu lậu được đoạn trừ bởi ly la gì? Này Ty-kheo, khi thấy voi dữ thì nên xa lánh; ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, hầm hố, nhà tiêu, sông ngòi, suối sâu, núi dốc, ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, làng mạc hung

ác, nơi cư trú hung dữ; hoặc ở chung một chỗ với các người Phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ thì nên xa lánh. Là Tỳ-kheo5 phải nên xa lánh ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, làng mạc hung ác5 nơi cư trú hung dữ, hoặc ở chung một chỗ với các người Phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, hãy nên xa lánh tất cả, nếu không xa lánh thì sẽ sanh khởi phiền não, ưu sầu, nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi ly. Hữu lậu được đoạn trừ bởi dụng là gì? Này Tỳ-kheo, khi thọ dụng y phục, chẳng phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống, chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để mập béo mà vì để làm cho thân thể ở đời lâu dài mà diệt trừ phiền não, ưu buồn, vì để thực hành Phạm hạnh, vì muôn cho bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới và vì đê sông lâu an ổn9 không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức mà chỉ đe lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, để có nơi tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang, không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo mà chỉ đê trừ bệnh hoạn, đê điêu hòa mạng căn, đê an ôn không bệnh. Nêu không thọ dụng những thứ ây thì sẽ sanh phiên não, ưu sâu, còn thọ dụng thì không sanh phiền não, ưu sầu. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi dụng. Hữu lậu được đoạn trừ bởi nhẫn là gì? Này

Tỳ-kheo, hãy tinh tấn đoạn ác và bất thiện, tu tập thiện pháp. Thường khởi tưởng, chuyên tâm tinh cần. Thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy thà để khô kiệt tất cả chứ không bỏ tinh tấn, phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Này Tỳ-kheo, lại nên chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy; dù mưa gió hay mặt trời bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập cũng đều có thể nhẫn chịu được; dù thân mang bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng và những điều không thể ưa vui được; tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; nếu nhẫn chịu được thì không sanh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi nhẫn. Hữu lậu được đoạn trừ bởi trừ là gì? Này Tỳ-kheo, nếu sanh khởi dục niệm mà không trừ đoạn hay xả ly; sanh nhuê niệm, hại niệm mà không đoạn trừ, xả ly thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; nếu trừ diệt thì không sanh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi trừ. Hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy là gì? Này Tỳ-kheo9 hãy tư duy về giác chi thứ nhát là niệm, y ly, y vô dục, y diệt tận, thăng đên xuât yêu; trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y ly, y vô dục, y diệt tận, thăng đên xuât yêu. Nêu không tư duy thì sanh khởi phiên não, ưu sầu; còn có tư duy thì không sanh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.

44 KINH TRƯNG A-HÀM

Nếu có thầy Tỳ-kheo nào phải đoạn hữu lậu bởi kiến thì vị ấy dùng kiến để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi hộ thì dùng hộ để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi ly thì dùng ly để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi dụng thì đem dụng để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi nhẫn thì dùng nhẫn để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi trừ thì dùng trừ để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi tư duy thì dùng tư duy để đoạn. Đó là vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kiết sử, có thể bằng chánh trí mà chứng đăc khô tê. Đức Phật dạy như thế, các vi Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.